

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
TỈNH SƠN LA**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Diễn biến xu thế mực nước trên các sông trong 10 ngày qua (*từ ngày 01 đến 10/4/2026*).

- Trên sông Đà: Tại trạm thủy văn Tạ Bú mực nước biến đổi theo điều tiết của thủy điện Sơn La và hồ Hoà Bình.

Mực nước trung bình, cao nhất, thấp nhất ở mức cao hơn so trung bình nhiều năm (TBNN), cao hơn so cùng kỳ năm trước (CKNT).

- Trên sông Mã: Tại trạm Xã Là mực nước biến đổi theo điều tiết của thủy điện Mường Hung.

Mực nước trung bình, thấp nhất ở mức thấp hơn so TBNN, xấp xỉ so CKNT; mực nước cao nhất ở mức thấp hơn so TBNN, xấp xỉ so CKNT;

- Trên sông Nậm Pàn: Tại trạm thủy văn Hát Lót mực nước biến đổi chậm.

Mực nước trung bình, cao nhất, thấp nhất ở mức cao hơn so CKNT.

2. Dự báo, cảnh báo

Diễn biến xu thế mực nước trên các sông trong thời hạn dự báo (*từ ngày 11 đến 20/04/2026*).

- Trên sông Đà: Tại trạm thủy văn Tạ Bú mực nước biến đổi theo điều tiết của thủy điện Sơn La và hồ Hoà Bình.

Mực nước trung bình, cao nhất, thấp nhất ở mức cao hơn so trung bình nhiều năm (TBNN), cao hơn so cùng kỳ năm trước (CKNT).

- Trên sông Mã: Tại trạm Xã Là mực nước biến đổi theo điều tiết của thủy điện Mường Hung.

Mực nước trung bình, thấp nhất ở mức thấp hơn so TBNN, xấp xỉ so CKNT; mực nước cao nhất ở mức thấp hơn so TBNN, xấp xỉ so CKNT;

- Trên sông Nậm Pàn: Tại trạm thủy văn Hát Lót mực nước biến đổi chậm.

Mực nước trung bình, cao nhất, thấp nhất ở mức cao hơn so CKNT.

- Cảnh báo hiện tượng thủy văn nguy hiểm có thể xảy ra trong thời kỳ dự báo: Ít có khả năng xảy ra các hiện tượng thủy văn nguy hiểm.

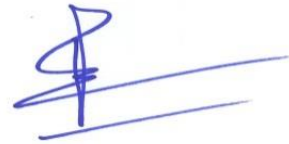
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Tác động không đáng kể đến các hoạt động kinh tế - xã hội.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15^h45', ngày 21/4/2026.

Tin phát lúc: 15^h45'.

Dự báo viên: Nguyễn Văn Thắng

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Văn Cường

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

| Sông | Trạm | Thực đo 10 ngày qua | | | Dự báo | | | | | | | | |
|---------|---------|------------------------|----------|-----------|------------|----------|-----------|-------------|----------|-----------|-------------------|----------|-----------|
| | | | | | 5 ngày đầu | | | 5 ngày cuối | | | Đặc trưng 10 ngày | | |
| | | Trung bình | Cao nhất | Thấp nhất | Trung bình | Cao nhất | Thấp nhất | Trung bình | Cao nhất | Thấp nhất | Trung bình | Cao nhất | Thấp nhất |
| Đà | Tạ Bú | 11589 | 11597 | 11441 | 11570 | 11600 | 11420 | 11575 | 11580 | 11420 | 11570 | 11600 | 11420 |
| Mã | Xã Là | 27754 | 27872 | 27707 | 27755 | 27845 | 27705 | 27760 | 27845 | 27710 | 27755 | 27875 | 27705 |
| Nậm Pàn | Hát Lót | 51127 | 51131 | 51123 | 51125 | 51135 | 51122 | 51125 | 51130 | 51120 | 51125 | 51135 | 51120 |

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm

